

Bản án số: **03/2024/DS-PT**
Ngày: 03-01-2024
*“Tranh chấp quyền sử dụng
đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước
Ông Lê Khắc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/12/2023 và ngày 03/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2023/TLPT-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 446/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Không có số nhà, đường N, Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H: Ông Phan Văn B, sinh năm 1977 (Có mặt); Địa chỉ: Số B, Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/11/2023).

2. Bị đơn: Phạm Minh P, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, đường N, Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1998 (Vắng mặt, có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Huỳnh Xuân Q, sinh năm 2003 (Vắng mặt, có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Hồ Thị Yến P1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 2004 (Vắng mặt, có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Minh P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H trình bày:** Vào năm 1990, cha bà H là cụ Phạm Văn S cho người chị của cụ S tên Phạm Thị Tư c (xây dựng) một căn nhà trên phần diện tích đất thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 35, loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để ở, vào thời điểm này bà H sống chung với cụ T. Đến năm 2003, Nhà nước xây dựng cho cụ T căn nhà tình nghĩa ngay trên vị trí nhà cũ của cụ T, diện tích ngang 4,5m, dài 9,5m. Đến năm 2006, cụ T chết, bà H tiếp tục ở trong căn nhà này. Vào năm 2006, cụ Phạm Văn S cho bà H phần diện tích đất 144m² (chiều ngang 8m, chiều dài 18m), thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 35 (trong đó bao gồm phần diện tích đất do cụ S cho cụ T cất nhà ở tạm). Việc cụ S cho đất chỉ nói miệng và chỉ phần diện tích đất cho, không có đo đạc thực tế, việc cho đất có tất cả anh em trong nhà đều biết gồm: Phạm Thị L, Phạm Thị H1, Phạm Văn T1, Phạm Thị Út M, Phạm Minh Q1 và Phạm Minh P. Diện tích đất có tứ cận: cạnh giáp đường N, cạnh giáp nhà bà Phạm Thị H1, cạnh giáp phần đất còn lại của thửa 38 và cạnh giáp rạch L (sông). Năm 2010, bà H xây dựng thêm một phần nhà 2,3m x 9,5m (xây gạch, lợp tole, lát gạch bông) gắn liền căn nhà của cụ T để lại. Năm 2012, căn nhà cụ T để lại bị hư hỏng nên bà H xây lại nhà mới 4,65m x 9,5m (xây gạch, lợp tole, lát gạch bông). Năm 2020, xây thêm phần nhà gắn liền nhà chính 4m x 4m. Đầu năm 2021, bà H yêu cầu ông P giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất để tách QSD đất, ông P cho rằng đất bà H sử dụng do cụ S cho ông P nên không giao Giấy chứng nhận QSD đất cho bà H.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được QSD đất diện tích 144m² (ngang 08m, dài 18m) thuộc một phần thửa đất số 38

(nay là thửa 222), tờ bản đồ số 35, tọa lạc ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc ông P sang tên (chuyển QSD) diện tích đất trên cho bà H đứng tên QSD đất.

Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm ông Phan Văn B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được sử dụng diện tích đất thực tế là 144,3m² trong phạm vi các mốc M22, M23, M24, M5, C, M6, M21, M20, M19, A, M22 thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 35, tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp do ông P, bà P1 đứng tên. Yêu cầu ông P sang tên cho bà H đứng tên QSD đất. Bà H không đồng ý trả giá trị đất cho ông P. Bà H không tranh chấp thừa kế QSD đất với ông P.

- **Bị đơn ông Phạm Minh P trình bày:** Cụ Phạm Văn S (chết tháng 9/2022) và cụ Hồ Thị M1 (chết năm 2020). Cụ S và cụ M1 chung sống có 09 người con chung gồm: Bà Phạm Thị Cẩm L1, bà Phạm Thị Lệ H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Minh Q1, ông Phạm Minh P, ông Lê Văn T2, bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn B1 (Ông B1 đã chết, có các con gồm: Phạm Thanh H2, Phạm Văn Hùng E, Phạm Thanh S1 và Phạm Quốc T3) và bà Phạm Thị M. Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ (cụ S và cụ M1) cho ông P và vợ là bà Hồ Thị Yến P1. Đất đã được cấp giấy QSD đất thuộc thửa 222, tờ bản đồ số 35 tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Khi còn sống, cụ S cho (cho luôn) người chị ruột tên Phạm Thị T4 (chết) diện tích đất 4,5m x 08m (Bà H sống chung với cụ T4). Khi cụ T4 chết (không nhớ năm nào) thì bà H tiếp tục sử dụng đất và cụ S cho bà H diện tích đất này. Nay bà H sử dụng diện tích đất lớn hơn, tứ cận: Cạnh giáp đường N, cạnh giáp nhà bà Phạm Thị H1, cạnh giáp phần đất thửa còn lại không biết thửa số 222 và cạnh giáp rạch L (sông). Bà H xây nhà chính (nhà cấp 4) và nhà phụ vách tole, nền lát gạch bông, mái lợp tole.

Bị đơn ông Phạm Minh P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông P chỉ đồng ý cho bà H sử dụng diện tích đất chiều ngang 4,9m (giáp nhà bà H1), chiều dài từ mí đường Nguyễn Thị T5 đến Sông.

- Đối với Huỳnh Thị Thu V, Huỳnh Xuân Q, Hồ Thị Yến P1, Phạm Thị Ngọc Y: Không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ H.

Bà Phạm Thị Lệ H được QSD đất diện tích 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 tại một phần thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, số vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Y1 Phụng đứng tên, đất tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và không phải trả giá trị QSD đất (kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân

dân thành phố Cao Lãnh và sơ đồ đo đạc ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất diện tích đất 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 tại một phần thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, sổ vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 đứng tên cấp cho bà Phạm Thị Lệ H theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị Lệ H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất diện tích 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất còn lại trong thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, sổ vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 theo quy định pháp luật.

Bà H được sở hữu 01 (một) cây mận trên đất (do bà H trồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.510.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Lệ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.505.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí tòa án số 0005721, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá): Số tiền 2.985.000 đồng bà Phạm Thị Lệ H tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 29/6/2023 bị đơn ông Phạm Minh P kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (viết tắt là bản án sơ thẩm) yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H, chấp nhận yêu cầu của ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Minh P trình bày: Ông P thay đổi yêu cầu kháng cáo, theo đó ông P yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông P thống nhất giao diện tích đất 76,9m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-A-M22 cho bà H được quyền sử dụng mà không phải trả giá trị đất, còn lại diện tích 37,9m² trong phạm vi các mốc A-B-M21-M20-M19-A (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C), nếu bà

H tiếp tục sử dụng đất thì có nghĩa vụ trả giá trị đất cho ông P theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/8/2022 của Hội đồng định giá thành phố C, giá đất cây lâu năm là 114.000 đồng/m² x diện tích 37,9m², thành tiền là 4.320.000 đồng. Ngoài ra, ông P không yêu cầu gì thêm.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H ủy quyền cho ông Phan Văn B trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P như nêu trên. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, do kháng cáo của ông P không có cơ sở.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp QSD đất*” là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Phạm Minh P không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông P nộp đơn kháng cáo vào ngày 29/6/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự chị Huỳnh Thị Thu V, anh Huỳnh Xuân Q và Phạm Thị Ngọc Y vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bà Hồ Thị Yến P1 vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc QSD đất tranh chấp diện tích 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thuộc một

phần thửa 222, tờ bản đồ số 35 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 18/5/2021 tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (viết tắt là đất tranh chấp) có nguồn gốc là của cụ Phạm Văn S (chết ngày 16/8/2022) và cụ Hồ Thị M1 (chết năm 2020). Cụ S và cụ M1 chung sống có 09 người con chung gồm: Bà Phạm Thị Cẩm L1, bà Phạm Thị Lệ H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Minh Q1, ông Phạm Minh P, ông Lê Văn T2, bà Phạm Thị Đ, ông Phạm Văn B1 (Ông B1 đã chết, có các con gồm: Phạm Thanh H2, Phạm Văn Hùng E, Phạm Thanh S1 và Phạm Quốc T3) và bà Phạm Thị M. Vào năm 1990, cụ S cho chị ruột tên Phạm Thị T4 (không có chồng) xây dựng một căn nhà để ở trên đất tranh chấp, thời điểm này bà H sống chung với cụ T4. Đến năm 2003, Nhà nước xây dựng cho cụ T4 căn nhà tình nghĩa ngay trên vị trí nhà cũ của cụ T4, diện tích ngang 4,5m, dài 9,5m. Năm 2006, cụ T4 chết, bà H tiếp tục ở trong căn nhà này. Cũng trong năm 2006, cụ S cho bà H phần diện tích đất 144m² (chiều ngang 8m, chiều dài 18m), việc cụ S cho đất không lập văn bản. Các lần bà H xây nhà có các anh chị em đều biết. Ngày 04/3/2010, cụ S và cụ M1 làm thủ tục tặng cho ông Phạm Minh P và vợ bà Hồ Thị Yến P1 diện tích đất thửa 38, tờ bản đồ số 35. Ông P, bà P1 được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích đất 620,8m² tại thửa 38, tờ bản đồ số 35 vào ngày 13/3/2010. Năm 2021, ông P làm thủ tục tách thửa đất số 38 thành hai thửa: Thửa 222, diện tích đất 472,5m² và thửa 221, diện tích đất 148,3m², tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 18/5/2021 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 đứng tên. Nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H cho rằng cha mẹ đã cho đất tranh chấp cho bà rồi, các anh em đều biết, nên yêu cầu bị đơn ông Phạm Minh P giao đất và chuyển QSD đất cho bà H, còn bị đơn ông P không thống nhất theo trình bày và yêu cầu của bà H, cho rằng đất tranh chấp cha mẹ đã tặng cho ông P và ông P đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất, ông P chỉ thống nhất cho bà H sử dụng diện tích đất chiều ngang 4,9m (giáp nhà bà H1), chiều dài từ mí đường Nguyễn Thị T5 đến giáp rạch L (sông). Điều này đã làm phát sinh tranh chấp QSD đất giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H là có cơ sở. Bởi lẽ: Nguyên đơn bà H đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cụ S và cụ M1 đã cho đất tranh chấp cho bà H khi họ còn sống nhưng không lập thành văn bản. Căn cứ vào lời khai của các con cụ S, cụ M1 gồm: Bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị Cẩm L1, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Minh Q1, ông Lê Văn T2 đều xác nhận cụ S đã cho bà H phần diện tích đất 144m² (chiều ngang 8m, chiều dài 18m), thuộc một phần thửa số 38 (nay thửa 222), tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (trong đó có diện tích đất do cụ S cho cụ T4 ở). Các con ông Phạm Văn B1 (đã chết) gồm: Phạm Thanh H2 (Hùng A), Phạm Văn Hùng E,

Phạm Quốc T3, Phạm Thanh S1 xác nhận cụ S có cho bà H diện tích đất nhưng không xác định chiều ngang, chiều dài bao nhiêu mét. Nay họ đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lệ H, không tranh chấp quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia thừa kế, không yêu cầu chia tài sản chung đối với đất tranh chấp. Mặt khác, ông P cũng thừa nhận khi còn sống cụ S, cụ M1 cho cụ T4 diện tích đất 4,5m x 08m cất nhà ở, khi đó bà H sống chung với cụ T4, khi cụ T4 chết thì bà H tiếp tục sử dụng diện tích đất này và cụ S cho bà H diện tích đất chiều ngang 4,5m, dài 9,5m, diện tích 42,75m² (trong đó có diện tích đất của cụ T4), cho đất không lập giấy tờ, do bà H sử dụng diện tích đất lớn hơn diện tích đất đã cho nên không đồng ý theo yêu cầu của bà H, tuy nhiên ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ S, cụ M1 chỉ cho bà H diện tích đất chiều ngang 4,5m, dài 9,5m như trình bày của ông P mà có cơ sở chứng minh cụ S và cụ M1 đã cho bà H đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 114,8m². Trên thực tế bà H đã sử dụng đất ổn định, lâu dài, công khai, ngay từ năm 1990 cùng với cụ T4 và sau khi cụ T4 chết thì tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay (đã trên 30 năm). Ngoài ra, theo ông P cũng thừa nhận khi thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ cụ S sang cho ông P và bà P1 thì ông P không tách, chừa diện tích đất của bà H ra, mà ông P kê khai đăng ký đứng tên cả đất bà H. Cho nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có cơ sở.

Đối với việc bà Hồ Thị Yến P1 cùng ông P đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 18/5/2021. Ông P và bà P1 đã ly hôn theo bản án Hôn nhân và gia đình số: 24/2011/HNGĐ-ST ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà P1 không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án và không kháng cáo bản án sơ thẩm, cho thấy bà P1 đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thống nhất với bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa ông Phạm Minh P thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lệ H, theo đó ông P thống nhất giao diện tích đất 76,9m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-A-M22 cho bà H được quyền sử dụng mà không phải trả giá trị đất, còn lại diện tích đất 37,9m² trong phạm vi các mốc A-B-M21-M20-M19-A (Theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C), nếu bà H tiếp tục sử dụng đất thì có nghĩa vụ trả giá trị đất cho ông P với số tiền 4.320.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông P là không có đủ căn cứ, đồng thời ông P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P không được chấp nhận, nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Minh P;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 148, 157, 158, 165, 227, 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ H.

Bà Phạm Thị Lệ H được QSD đất diện tích 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 thuộc một phần thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, sổ vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Y1 Phụng đứng tên, đất tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và không phải trả giá trị QSD đất.

Đề nghị Sở T thu hồi đất diện tích đất 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 tại một phần thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, sổ vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 do ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 đứng tên cấp cho bà Phạm Thị Lệ H theo quy định pháp luật.

Bà Phạm Thị Lệ H có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký QSD đất diện tích 114,8m² trong phạm vi các mốc M22-M23-M24-B-M21-M20-M19-A-M22 theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất còn lại trong thửa 222, tờ bản đồ số 35 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành DB 897838, số vào sổ cấp GCN: CS04679 ngày 18/5/2021 theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Bà H được sở hữu 01 (một) cây mận trên đất (do bà H trồng).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Minh P và bà Hồ Thị Yến P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.510.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Lệ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà H được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.505.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0005721, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá): Số tiền 2.985.000 đồng bà Phạm Thị Lệ H tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0012516, ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi